| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN XUÂN LỘC**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **84/**2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-9-2020
*V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Trần Trường Phát**.

*Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Châu Văn Nhâm**.

2. Bà **Cao Thị Mận**.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà **Đinh Thị Hạ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:*** Không tham gia.

Vào ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Phùng V**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

*(Bà Trần Thị T và ông Phùng V vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và lời khai bổ sung, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Trên sơ sở tự nguyện, bà và ông Phùng V chung sống với nhau vào năm 1998, đến năm 2006 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Cuộc sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn, do ông Phùng V có tính gia trưởng, không lo làm ăn, có lời lẽ xúc phạm bà. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nên bà yêu cầu được ly hôn ông Phùng V.

Về con chung: Bà và ông Phùng V có 02 người con là Phùng Viết S sinh ngày 20/5/2000 và Phùng Viết T sinh ngày 19/3/2002; Anh Phùng Viết S đã

trưởng thành đủ khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con sau khi ly hôn. Cháu Phùng Viết T bị nhiễm chất độc da cam, không có khả năng lao động, nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phùng Viết T, không yêu cầu ông Phùng V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có. Bà xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

*Quá trình làm việc bị đơn ông Phùng V trình bày:* Ông và bà Trần Thị T tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương, sinh được hai người con là Phùng Viết S sinh ngày 20/5/2000 và Phùng Viết T sinh ngày 19/3/2002. Đến năm 2018, vợ chồng ông chuyển về ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai để sinh sống. Đến khoảng tháng 02/2020, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và hai bên có những lời lẽ xúc phạm nhau. Vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng đều làm riêng, ăn riêng. Ông nhận thấy vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì ai cũng có lỗi, nhưng nay ông đã lớn tuổi nên không chấp nhận ly hôn. Ông xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Phùng V hiện đang cư trú tại ấp T, xã X, huyện Xuân Lộc và yêu cầu nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Phùng V nên bà Trần Thị T là nguyên đơn, ông Phùng V là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị T và ông Phùng V có đơn xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt bà Trần Thị T và ông Phùng V tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Phùng V tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà Trần Thị T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do ông Phùng V có tính gia trưởng, không lo làm ăn, có những lời lẽ xúc phạm bà nên bà cương quyết xin được ly hôn. Ông Phùng V cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, hai bên đều có những lời lẽ xúc phạm nhau, tuy sống cùng một nhà nhưng ông bà làm riêng ăn riêng và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải. Qua lời trình bày của bà Trần Thị T và ông Phùng V đã có cơ sở xác định mâu thuẫn của ông bà đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nên chấp nhận cho bà Trần Thị T được ly hôn với ông Phùng V là phù hợp.

[5] Về con chung: anh Phùng Viết S sinh ngày 20/5/2000 đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không xem xét giải quyết; Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện cháu Phùng Viết T sinh ngày 19/3/2002 bị khuyết tật nặng do nhiễm chất độc da cam, không có khả năng lao động, được hưởng trợ cấp xã hội

hàng tháng. Bà Trần Thị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phùng Viết T, ông Phùng V không có lời khai nêu ý kiến về việc nuôi con. Vì vậy, nên giao cháu Phùng Viết T cho bà Trần Thị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tạm thời bà Trần Thị T không yêu cầu ông Phùng V cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân gia và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử:***

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Phùng V.

- Về con chung: Giao cháu Phùng Viết T sinh ngày 19/3/2002 cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời bà Trần Thị T không yêu cầu ông Phùng V cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Ông Phùng V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Khi cần thiết, bà Trần Thị T và ông Phùng V được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0009423 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, bà Trần Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị T và ông Phùng V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***(Đã ký)***

**Nguyễn Trần Trường Phát**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS huyệnXuân Lộc;
- UBND xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.